TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 13/01/2020.
"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phi Hùng.
2. Ông Đỗ Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Cao L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2019 về tranh chấp "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn B, sinh năm 1936.
Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: 1. Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1950.
2. Hà Tấn P, sinh năm 1989.
Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Đồng Tháp.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1979.
Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
2. Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền bà Châu Thị D, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Chúc L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Hà Tấn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn H (chết năm 1969) và bà Mai Thị S (chết năm 1984) để lại. Sinh thời ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị S có 03 người con: Nguyễn Văn N, sinh năm 1916 (chết 2017); Nguyễn Thị Y và Nguyễn Văn B. Ông Nguyễn Văn B xác nhận ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn B là cùng mẹ nhưng khác cha. Cha ruột của ông Nguyễn Văn N tên gì thì ông Nguyễn Văn B không biết.

Trước đây ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị S có khai phá được diện tích 1.000m^2 đất ở xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp diện tích đất này ông H, bà S không có giấy tờ. Ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị S có cho ông Nguyễn Văn N 500m^2, cho ông Nguyễn Văn B 500m^2, việc tặng cho thì không có làm giấy tờ, khi cho thì không có chỉ trên thực địa là đất ở đâu. Còn việc ông Bảy trình bày diện tích đất 500m^2 thuộc thửa 604 là căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn N.

Trước đây ông Nguyễn Văn B sống ở xã Hòa Tân nhưng đến khi bà Mai Thị S chết (năm 1984) thì ông Nguyễn Văn B không sinh sống tại địa phương xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cho đến nay.

Ông Nguyễn Văn N đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/12/1994 tổng diện tích là 10.637m^2 sau đó ông Nhi chuyển nhượng cho nhiều người. Đến năm 2006 thì ông Nhi còn lại diện tích là 600m^2 thuộc thửa số 604, tờ bản đồ số 8; và 1.990m^2 thuộc thửa số 1504. Tổng cộng diện tích còn lại của ông Nguyễn Văn N là 2.590m^2.

Khế ước tá điền là do ông Nguyễn Văn H thuê của địa chủ Nguyễn Công H nhưng do ông Nguyễn Văn H đã đi tản cư ở Cái Vồn, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long nên anh Nguyễn Văn N đứng tên thuê mướn đất của địa chủ Nguyễn Công H. Còn việc chế độ Việt Nam Cộng Hòa cấp giấy chứng thư quyền sở hữu quyền sử dụng đất cho ông

Nguyễn Văn N thì ông Bảy không biết.

Ngày 23/3/2012 ông Nguyễn Văn N chết những người thừa kế của ông Nguyễn Văn N thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cụ thể: Chị Nguyễn Chúc L được hưởng 100m^2 thửa số 604 và 269m^2 thuộc thửa số 1504; Anh Nguyễn Hoàng E được hưởng 100m^2 thuộc thửa số 604 và 231m^2 thuộc thửa số 1504; Anh Nguyễn Hoàng M được hưởng 400m^2 thuộc thửa 604 và 1.490m^2 thuộc thửa số 1504.

Chị Nguyễn Chúc L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 44, diện tích 369m^2 cấp ngày 17/7/2014; Anh Nguyễn Hoàng E được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 38, tờ bản đồ số 44, diện tích 331m^2; Anh Nguyễn Hoàng M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 11, tờ bản số số 44, diện tích 2.653m^2.

Năm 2018 anh Nguyễn Hoàng M chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa 11, tờ bản số số 44, diện tích 2.653m^2 của anh Hà Tấn P.

Nay ông Nguyễn Văn B yêu cầu anh Nguyễn Hoàng E trả lại diện tích 100m^2 đất thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 44 (theo các mốc 9,F,E,11,10 của sơ đồ đo đạc được chỉnh sửa ngày 24/12/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C) do anh Nguyễn Hoàng E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Ông Nguyễn Văn B yêu cầu chị Nguyễn Chúc L trả lại diện tích 400m^2 đất thuộc thửa số 604, tờ bản đồ số 8 do chị Nguyễn Chúc L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn B rút lại yêu cầu chị Nguyễn Chúc L trả đất 400m^2 đất thuộc thửa số 604, tờ bản đồ số 8.

Khi đo đạc thì phần đất 400m^2 đất thuộc thửa số 604, tờ bản đồ số 8 không phải do bà Nguyễn Chúc L đứng tên mà do ông Nguyễn Hoàng M đứng tên và đã chuyển nhượng cho anh Hà Tấn P, do đó đối với diện tích 400m^2 này ông Nguyễn Văn B yêu cầu anh Hà Tấn P trả giá trị 400m^2 đất ở nông thôn theo giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định (720.000 đồng/m^2 x 400m^2 = 288.000.000 đồng).

- Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

1. Ông Nguyễn Hoàng E trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất là do anh Nguyễn Hoàng E nhận thừa kế của ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Hoàng E nhận hưởng diện tích 100m^2 thuộc thửa số 604 và 231m^2 thuộc thửa số 1504. Anh Nguyễn Hoàng E được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 38, tờ bản đồ số 44, diện tích 331m^2 vào ngày 17/7/2014 hiện nay anh Nguyễn Hoàng E vẫn còn đứng tên và quản lý sử dụng.

Trước đây diện tích đất này do ông Nguyễn Văn N thuê của địa chủ và được chế độ Việt Nam Cộng hòa cấp giấy chứng thư quyền sở hữu. Sau đó ông Nguyễn Văn N đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày

05/12/1994 tổng diện tích là 10.637m^2. Sau đó ông Nhi chuyển nhượng cho nhiều người khác, đến năm 2006 thì ông Nhi còn lại diện tích là 600m^2 thuộc thửa số 604 và 1.990m^2 thuộc thửa số 1504. Tổng cộng diện tích đất còn lại của ông Nguyễn Văn N là 2.590m^2.

Ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn B là cùng mẹ nhưng khác cha. Cha của ông Nguyễn Văn N tên Nguyễn Văn T. Cha của ông Nguyễn Văn B tên Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn N chết vào ngày 23/3/2012 hàng thừa kế của ông Nhi gồm (Nguyễn Hoàng Khải, Nguyễn Hoàng E, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị Bạch Đàng, Nguyễn Chúc L, Nguyễn Thu H) ngoài ra không còn ai khác.

Sau khi ông Nguyễn Văn N chết những người thừa kế của ông Nguyễn Văn N thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cụ thể: Chị Nguyễn Chúc L được hưởng 100m^2 thửa số 604 và 269m^2 thuộc thửa số 1504; Anh Nguyễn Hoàng E được hưởng 100m^2 thuộc thửa số 604 và 231m^2 thuộc thửa số 1504; Anh Nguyễn Hoàng M được hưởng 400m^2 thuộc thửa 604 và 1.490m^2 thuộc thửa số 1504.

Chị Nguyễn Chúc L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 44, diện tích 369m^2 cấp ngày 17/7/2014; Anh Nguyễn Hoàng E được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 38, tờ bản đồ số 44, diện tích 331m^2; Anh Nguyễn Hoàng M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 11, tờ bản số số 44, diện tích 2.653m^2.

Nay anh Nguyễn Hoàng E không đồng ý trả lại diện tích 100m^2 thửa số 38, tờ bản đồ số 44 (theo các mốc 9,F,E,11,10 của sơ đồ đo đạc được chỉnh sửa ngày 24/12/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C) đất thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 44 theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn B.

2. *Anh Hà Tấn P trình bày:*

Anh Hà Tấn P là con ruột của bà Nguyễn Chúc L. Nguồn gốc phần đất anh Hà Tấn P đứng tên quản lý sử dụng là do anh Phát nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hoàng M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 11, tờ bản đồ số 44, diện tích 2.653m^2 cấp giấy chứng nhận quyền sữ dụng đất ngày 07/05/2018 do cá nhân anh Hà Tấn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Còn phần đất bà Nguyễn Chúc L đứng tên do nhận thừa kế từ ông Nguyễn Văn N thì bà Chúc Lệ vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc số 37, tờ bản đồ số 44, diện tích là 369m^2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Chúc L.

Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản thì ông Nguyễn Văn B yêu cầu ngay phần diện tích đất mà anh Hà Tấn P đã nhận chuyển nhượng của

ông Nguyễn Hoàng M không phải phần đất của bà Nguyễn Chúc L đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh Hà Tấn P không đồng ý trả giá trị diện tích 400m^2 đất ở nông thôn theo giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định (720.000 đồng/m^2 x 400m^2 = 288.000.000 đồng) cho ông Nguyễn Văn B, vì phần đất này anh nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hoàng M và đã trả tiền đủ cho ông Nguyễn Hoàng M.

Trường hợp phải trả giá trị diện tích 400m^2 đất ở nông thôn theo giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định (720.000 đồng/m^2 x 400m^2 = 288.000.000 đồng) cho Nguyễn Văn B thì anh Hà Tấn P không yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Hoàng M.

- *Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. *Anh Nguyễn Hoàng N trình bày:*

Anh Nguyễn Hoàng N là cháu nội của ông Nguyễn Văn N và là con ruột của ông Nguyễn Hoàng E. Hiện nay anh Nguyễn Hoàng N đang quản lý sử dụng phần đất mà ông Nguyễn Hoàng E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Nam có xây dựng nhà trên phần đất tuy nhiên anh Nguyễn Hoàng N đồng ý để cho cha anh là ông Nguyễn Hoàng E có ý kiến, anh không có tranh chấp, yêu cầu gì trong vụ án này. Anh Nguyễn Hoàng N thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng E.

2. *Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Chúc L anh Hà Tấn T trình bày:*

Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn N thuê của địa chủ và được chế độ Việt Nam Cộng hòa cấp giấy chứng thư quyền sở hữu. Sau đó ông Nguyễn Văn N đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/12/1994 tổng diện tích là 10.637m^2. Sau đó ông Nhi chuyển nhượng cho nhiều người khác, đến năm 2006 thì ông Nhi còn lại diện tích là 600m^2 thuộc thửa số 604, tờ bản đồ số 8; và 1.990m^2 thuộc thửa số 1504. Tổng cộng diện tích đất còn lại của ông Nguyễn Văn N là 2.590m^2.

Ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn B là cùng mẹ nhưng khác cha. Cha của ông Nguyễn Văn N tên Nguyễn Văn T. Cha của ông Nguyễn Văn B tên Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn N chết vào ngày 23/3/2012 hàng thừa kế của ông Nhi gồm (Nguyễn Hoàng Khải, Nguyễn Hoàng E, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị Bạch Đàng, Nguyễn Chúc L, Nguyễn Thu H) ngoài ra không còn ai khác.

Sau khi ông Nguyễn Văn N chết những người thừa kế của ông Nguyễn Văn N thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cụ thể: Bà Nguyễn Chúc L được hưởng 100m^2 thửa số 604 và 269m^2 thuộc thửa số 1504; Ông Nguyễn Hoàng E được hưởng

100m^2 thuộc thửa số 604 và 231m^2 thuộc thửa số 1504; Ông Nguyễn Hoàng M được hưởng 400m^2 thuộc thửa 604 và 1.490m^2 thuộc thửa số 1504.

Bà Nguyễn Chúc L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 37, tờ bản đồ số 44, diện tích 369m^2 cấp ngày 17/7/2014; Ông Nguyễn Hoàng E được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 38, tờ bản đồ số 44, diện tích 331m^2; Ông Nguyễn Hoàng M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 11, tờ bản số số 44, diện tích 2.653m^2.

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Nguyễn Chúc L trả lại diện tích 400m^2 đất thuộc thửa số 604, tờ bản đồ số 8 do bà Nguyễn Chúc L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên khi đo đạc thì phần đất tranh chấp 400m^2 không phải do bà Nguyễn Chúc L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà phần đất này do ông Nguyễn Hoàng M đứng tên và đã chuyển nhượng cho anh Hà Tấn P. Hiện nay anh Hà Tấn P đang đứng tên và quản lý sử dụng đất. Việc ông Nguyễn Văn B đã rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Chúc L nên bà Lệ không có ý kiến yêu cầu gì và cũng không có tranh chấp gì trong vụ án.

3. *Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng M bà Châu Thị D trình bày:*

Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn N thuê của địa chủ và được chế độ Việt Nam Cộng hòa cấp giấy chứng thư quyền sở hữu. Sau đó ông Nguyễn Văn N đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/12/1994 tổng diện tích là 10.637m^2. Sau đó ông Nhi chuyển nhượng cho nhiều người khác, đến năm 2006 thì ông Nhi còn lại diện tích là 600m^2 thuộc thửa số 604, tờ bản đồ số 8; và 1.990m^2 thuộc thửa số 1504. Tổng cộng diện tích đất còn lại của ông Nguyễn Văn N là 2.590m^2.

Ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn B là cùng mẹ nhưng khác cha. Cha của ông Nguyễn Văn N tên Nguyễn Văn T. Cha của ông Nguyễn Văn B tên Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn N chết vào ngày 23/3/2012 hàng thừa kế của ông Nhi gồm (Nguyễn Hoàng Khải, Nguyễn Hoàng E, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị Bạch Đàng, Nguyễn Chúc L, Nguyễn Thu H) ngoài ra không còn ai khác.

Sau khi ông Nguyễn Văn N chết những người thừa kế của ông Nguyễn Văn N thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cụ thể: Chị Nguyễn Chúc L được hưởng 100m^2 thửa số 604 và 269m^2 thuộc thửa số 1504; Anh Nguyễn Hoàng E được hưởng 100m^2 thuộc thửa số 604 và 231m^2 thuộc thửa số 1504; Anh Nguyễn Hoàng M được hưởng 400m^2 thuộc thửa 604 và 1.490m^2 thuộc thửa số 1504.

Nay ông Nguyễn Hoàng M không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án do phần đất ông Nguyễn Hoàng M đã chuyển nhượng cho anh Hà Tấn P nên để anh

Hà Tấn P quyết định đối với giá trị 400m^2 đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn B yêu cầu ông Nguyễn Hoàng E trả lại diện tích 100m^2 đất thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 44 do anh Nguyễn Hoàng E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu anh Hà Tấn P trả lại giá trị 400m^2 đất do anh Hà Tấn P đứng tên quản lý sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp đất đai mà đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Căn cứ vào Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Trong vụ án này các đương sự không có yêu cầu đối với ông Nguyễn Hoàng M, theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn B yêu cầu bà Nguyễn Chúc L trả lại diện tích 400m^2 đất, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn B thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Nguyễn Chúc L trả lại diện tích 400m^2 đất mà yêu cầu anh Hà Tấn P trả lại giá trị đất ở nông thôn đối với diện tích 400m^2. Ông Nguyễn Hoàng M, bà Nguyễn Chúc L không có yêu cầu gì trong vụ án nên không xem xét giải quyết.

[3] Về phần tài sản của anh Nguyễn Hoàng N có trên phần đất tranh chấp do ông Nguyễn Hoàng M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh Nguyễn Hoàng N không có yêu cầu không tranh chấp trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nguồn gốc đất ông Nguyễn Văn B trình bày là của ông Nguyễn Văn H, bà Mai Thị S khai phá được diện tích 1.000m^2 ở xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, ông H, bà S không có giấy tờ sở hữu đất. Ông H, bà S tặng cho ông Bảy diện tích 500m^2, việc tặng cho không có làm giấy tờ, không có chỉ đất trên thực địa. Còn việc ông Bảy khởi kiện diện tích đất của ông Hoàng Em và yêu cầu trả giá trị đất do anh Hà Tấn P đang quản lý sử dụng là căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Nguyễn Văn N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn N thuê của địa chủ

và được chế độ Việt Nam Cộng hòa cấp giấy chứng thư quyền sở hữu, sau đó ông Nguyễn Văn N đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/12/1994 tổng diện tích là 10.637m^2, ông Nhi có chuyển nhượng cho nhiều người, đến năm 2006 thì ông Nhi còn lại diện tích là 600m^2 thuộc thửa số 604 và 1.990m^2 thuộc thửa số 1504. Sau khi ông Nhi chết thì những người thừa kế của ông Nhi phân chia tài sản thừa kế cụ thể: Chị Nguyễn Chúc L được hưởng 100m^2 thửa số 604 và 269m^2 thuộc thửa số 1504; Anh Nguyễn Hoàng E được hưởng 100m^2 thuộc thửa số 604 và 231m^2 thuộc thửa số 1504; Anh Nguyễn Hoàng M được hưởng 400m^2 thuộc thửa 604 và 1.490m^2 thuộc thửa số 1504.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Văn B trình bày đất của ông H, bà S nhưng không có tài liệu hay chứng cứ gì chứng minh, bị đơn đưa ra chứng thư cấp giấy, khế ước tá điền và thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông Nguyễn Văn N vào ngày 05/12/1994, phần đất tranh chấp được ông Nguyễn Văn N xác lập là đúng theo quy định pháp luật về đất đai. Do đó, nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn N không phải của ông Nguyễn Văn H và bà Mai Thị S. Sau khi ông Nguyễn Văn N chết những người thừa kế của ông Nhi thực hiện các thủ tục thừa kế và chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B yêu cầu ông Nguyễn Hoàng E trả diện tích 100m^2 thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 44 (thửa củ là: thửa 604, tờ bản đồ số 8) theo các mốc 9,F,E,11,10 của sơ đồ đo đạc được chỉnh sửa ngày 24/12/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C; Yêu cầu anh Hà Tấn P trả giá trị diện tích 400m^2 đất ở nông thôn theo giá thị trường mà Hội đồng định giá đã định (720.000 đồng/m^2 x 400m^2 = 288.000.000 đồng).

Xét thấy, ông Nguyễn Văn B không cung cấp được các giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất, cũng không trực tiếp sinh sống trên đất từ năm 1984 cho đến nay; người làm chứng của ông Nguyễn Văn B là ông Nguyễn Văn H trình bày không biết nguồn gốc đất và không đồng ý làm chứng cho ông Nguyễn Văn B. Các bị đơn cung cấp được đầy đủ các giấy tờ chứng minh nguồn gốc phần đất tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thừa kế và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mặc khác nhà nước cũng không thừa nhận việc đòi lại đất đã được nhà nước giao đất cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai. Căn cứ vào các Điều 26, 100, 101 Luật đất đai năm 2013 Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Văn B là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét ý kiến trình bày của bị đơn: ông Nguyễn Hoàng E, anh Hà Tấn P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử xét

thấy ông Nguyễn Hoàng E, anh Hà Tấn P đưa ra các tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc phần đất tranh chấp, giấy tờ thực hiện thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn N, giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hoàng M và anh Hà Tấn P, ông Nguyễn Hoàng M và anh Phát cũng thừa nhận có việc chuyển nhượng đã giao đất và tiền xong, anh Phát đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 11, tờ bản số số 44, diện tích 2.653m^2. Do đó ông Nguyễn Hoàng E, anh Hà Tấn P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B là có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn B không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ Điều 2 luật người cao tuổi 2009, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B.

[8] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu ông Nguyễn Văn B không được chấp nhận căn cứ vào các Điều 157, 158, 165 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Văn B phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản là 3.812.000 đồng (trong đó 3.212.000 đồng chi phí hợp đồng đo đạc; 600.000 đồng chi phí định giá tài sản).

[9] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 100, 101, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng E trả lại diện tích 100m^2 theo các mốc 9,F,E,11,10 của sơ đồ đo đạc được chỉnh sửa ngày 24/12/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, đất thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 44, diện tích 331m^2 do ông Nguyễn Hoàng E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu anh Hà Tấn P trả giá trị 400m^2 đất ở nông thôn theo giá trị trường mà Hội đồng định giá đã định (720.000 đồng/m^2 x 400m^2 = 288.000.000 đồng) thuộc một phần thửa 11, tờ bản số số

44, diện tích 2.653m^2 do anh Hà Tấn P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 09/7/2019; Trích do hiện trạng đất tranh chấp được chỉnh sửa ngày 24/12/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo điều 2 luật người cao tuổi 2009, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

4. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chổ và chi phí định giá tài sản là 3.812.000 đồng, ông Nguyễn Văn B đã nộp và chi xong.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân